

THỰC TRẠNG ĐỊNH HƯỚNG GIÁ TRỊ NGHỀ SỰ PHẠM QUÂN SỰ CỦA HỌC VIÊN SỰ PHẠM - TRƯỜNG ĐẠI HỌC CHÍNH TRỊ HIỆN NAY

PHẠM ĐÌNH DUYÊN*

Ngày nhận bài: 07/12/2016; ngày sửa chữa: 09/12/2016; ngày duyệt đăng: 19/12/2016.

Abstract: The Politics Academy - Ministry of Defence has been seen as a cradle of training social science teachers Military universities. So far, improving quality of training teachers at Politics Academy has been interested. In this article, author presents situation of improving awareness of professional values of Military education. Based on pointing out causes of existing problems, the article proposes solutions to raise awareness of professional values of Military education for students at Politics University- Ministry of Defence with aim to train good teaching staff, meeting the requirements of education reform in current period.

Keywords: Awareness of professional values of Military education, Politics University - Ministry of Defence.

Sự nghiệp xây dựng Quân đội cách mạng chính quy, tinh nhuệ đặt ra yêu cầu khách quan đối với việc nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên trong các nhà trường quân đội. *Nghị quyết số 86/NQ-ĐUQSTW của Quân ủy Trung ương* đã khẳng định và chỉ rõ: “*Kiên toàn và phát triển đội ngũ nhà giáo quân đội, trong đó chú trọng về nâng cao trình độ học vấn, năng lực và tay nghề sư phạm, kinh nghiệm thực tiễn; nâng cao tinh thần trách nhiệm và đạo đức, tác phong của nhà giáo*” [1; tr 22]. Nâng cao chất lượng đào tạo giảng viên trong các nhà trường quân đội nói chung và ở Trường Đại học Chính trị (ĐHCT) nói riêng cần phải thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp. Trong đó, quan trọng hàng đầu và có ý nghĩa then chốt là phải giáo dục, hình thành định hướng giá trị nghề sư phạm quân sự (SPQS) đúng đắn cho học viên sư phạm (HVSP).

Trường ĐHCT là “cái nôi” đào tạo cán bộ chính trị cấp phân đội, trong đó, có đào tạo giảng viên khoa học xã hội và nhân văn cho các nhà trường quân đội. Hiện nay, HVSP ở Trường ĐHCT cơ bản đã có ý thức về nghề nghiệp tương lai và có định hướng giá trị nghề SPQS đúng đắn. Tuy nhiên, trước những tác động của mặt trái cơ chế thị trường, một số HVSP chưa có nhận thức đúng đắn về giá trị nghề nghiệp; chưa thực sự tự giác, tích cực trong quá trình học tập và rèn luyện nghề nghiệp; chưa thực sự yên tâm và gắn bó với nghề đã chọn. Vì vậy, việc nghiên cứu thực trạng định hướng giá trị nghề SPQS, xác định nguyên nhân của thực trạng là cơ sở để đề xuất các biện pháp tâm lý - xã hội nhằm hình thành định hướng giá trị nghề SPQS đúng đắn cho HVSP, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên ở Trường ĐHCT hiện nay.

1. Quan niệm về định hướng giá trị nghề SPQS và những dấu hiệu để đánh giá thực trạng định hướng giá trị nghề SPQS của HVSP ở Trường ĐHCT

Định hướng giá trị nghề SPQS của HVSP ở Trường ĐHCT là sự phản ánh chủ quan có lựa chọn các giá trị nghề SPQS của học viên (HV); là quá trình HV xác định, lựa chọn các giá trị của nghề. Trên cơ sở đó, định hướng lối sống, phong cách giao tiếp, hành vi và hoạt động của họ trong quá trình học tập, rèn luyện để trở thành giảng viên nhà trường quân đội trong tương lai.

Như vậy, định hướng giá trị nghề SPQS là một phẩm chất tâm lý - nhân cách của HV, được thể hiện trên ba mặt cơ bản: Nhận thức của HV về các giá trị nghề SPQS; thái độ của HV đối với nghề; hành động học tập, rèn luyện để chiếm lĩnh các giá trị nghề SPQS. 3 mặt biểu hiện của định hướng giá trị nghề SPQS trên đây cũng là ba nhóm dấu hiệu cơ bản để đánh giá thực trạng định hướng giá trị nghề SPQS của HVSP ở Trường ĐHCT hiện nay.

2. Kết quả nghiên cứu thực trạng định hướng giá trị nghề SPQS của HVSP ở Trường ĐHCT

Căn cứ vào 3 nhóm dấu hiệu để đánh giá thực trạng, chúng tôi tiến hành khảo sát trên 200 HVSP của Trường, năm học 2015-2016, với kết quả cụ thể như sau:

2.1. Thực trạng nhận thức của HVSP về nghề SPQS:

2.1.1. Nhận thức của HVSP về vị trí, vai trò của nghề SPQS đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Qua khảo sát về nhận thức của HVSP đối với

* Học viện Chính trị - Bộ Quốc phòng

nghề SPQS, chúng tôi thu được kết quả như sau: đa số HVSP đã có nhận thức đúng đắn về tầm quan trọng của nghề SPQS: 93,5% HV được hỏi đã khẳng định nghề SPQS có vị trí, vai trò rất quan trọng, đào tạo ra đội ngũ cán bộ, sĩ quan và quân nhân có đủ phẩm chất, năng lực đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Như vậy, đa số HV đã quán triệt, nắm vững mục tiêu, yêu cầu đào tạo và xác định cho mình hướng phấn đấu phù hợp. Tuy nhiên, vẫn còn một số HV (6,5%) có quan niệm chưa thật đúng đắn, đánh giá tầm quan trọng của nghề ở mức bình thường do họ chưa nắm vững mục tiêu, yêu cầu đào tạo, chưa thấy được những giá trị to lớn của nghề SPQS.

2.1.2. Nhận thức của HVSP về những giá trị của nghề SPQS. Nghề SPQS có vị trí rất quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng quân đội, củng cố và tăng cường sức mạnh quốc phòng. Vị trí đó được tạo nên bởi chính những giá trị cốt lõi của nghề. Vì vậy, việc nhận thức đúng đắn những giá trị bản chất của nghề sẽ là cơ sở định hướng thái độ và hành động đúng đắn của HV trong học tập, rèn luyện (xem *bảng 1*).

Bảng 1. Nhận thức của HVSP về các giá trị nghề SPQS

TT	Các giá trị nghề SPQS	Mức độ đánh giá						Điểm trung bình	Thứ bậc
		Rất quan trọng		Bình thường		Không quan trọng			
		SL	%	SL	%	SL	%		
1	Nghề có ý nghĩa chính trị - xã hội to lớn, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc	187	93,5	8	4,0	5	2,5	1,91	1
2	Nghề có ý nghĩa tư tưởng - văn hóa	177	88,5	13	6,5	10	5,0	1,84	2
3	Nghề có ý nghĩa kinh tế - sản xuất	172	86,0	17	8,5	11	5,5	1,81	4
4	Nghề cao quý, được xã hội kính trọng	175	87,5	15	7,5	10	5,0	1,83	3
5	Nghề ổn định, có điều kiện chăm sóc gia đình, giáo dục con cái	90	45,0	28	14,0	82	41,0	1,04	6
6	Nghề có thu nhập ổn định	108	54,0	47	23,5	55	27,5	1,32	5
7	Nghề an nhàn, không vất vả	86	43,0	24	12,0	90	45,0	0,98	7
8	Nghề nghèo nàn, khó kiếm tiền	42	21,0	48	24,0	110	55,0	0,66	8
9	Nghề không được xã hội coi trọng	40	20,0	48	24,0	112	56,0	0,64	9

Bảng 1 cho thấy, đa số HV nhà trường đã có nhận thức và đánh giá đúng đắn về các giá trị nghề nghiệp. Trong số 9 giá trị của nghề SPQS thì có 4 giá trị (1, 2, 3, 4) được HV đánh giá rất cao (điểm trung bình từ 1,81 đến 1,91 điểm), trong đó giá trị 1: *Nghề có ý nghĩa chính trị - xã hội to lớn, góp phần vào sự nghiệp xây dựng quân đội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc* được đánh giá cao nhất (1,91 điểm). 4 giá trị này được HV đánh giá cao, vì đây là những giá trị cốt lõi, bản chất nhất của nghề SPQS.

Tiếp đến, 3 giá trị (5, 6, 7) được HV đánh giá ở mức trung bình, vì những giá trị này là không phổ biến, có tính chất quan điểm và lựa chọn cá nhân nhiều hơn. Có 2 giá trị được đánh giá thấp nhất là: *Nghề nghèo nàn, khó kiếm tiền* (0,66 điểm) và *nghề không được xã hội coi trọng* (0,64 điểm). 2 giá trị này được đánh giá thấp vì nó thể hiện quan điểm vật chất, thực dụng, mang tính chất cá nhân và có phần không đúng với thực tiễn.

Như vậy, “bức tranh” nhận thức về giá trị nghề nghiệp của HVSP là tương đối đúng đắn và tích cực. Điều này cũng phù hợp với nhận định trong *Báo cáo kết quả công tác GD-ĐT năm học 2013-2014: “Tuyệt đại đa số HVSP nhận thức và quán triệt tốt mục tiêu, yêu cầu đào tạo”* [2; tr 5]. Tuy nhiên, vẫn còn một bộ phận HV có nhận thức chưa thực sự đúng đắn về giá trị của nghề SPQS: ở giá trị 1 (*nghề có ý nghĩa chính trị xã hội to lớn*) vẫn có 2,5% HV đánh giá là không quan trọng; 3 giá trị (2, 3, 4) cũng có khoảng 5% HV đánh giá là không quan trọng; đặc biệt, có 43% HV cho rằng nghề SPQS là nghề an nhàn, không vất vả hay 20% HV quan niệm đây là nghề không được xã hội coi trọng. Sự hạn chế trong nhận thức về giá trị nghề SPQS sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến thái độ, xu hướng, động cơ phấn đấu của HV trong quá trình học tập, rèn luyện. Đây chính là vấn đề đặt ra đối với công tác giáo dục giá trị nghề nghiệp cho HVSP hiện nay.

2.1.3. Nhận thức của HVSP về những phẩm chất nhân cách đáp ứng yêu cầu nghề SPQS (xem *bảng 2*):

Bảng 2. Nhận thức của HVSP về những phẩm chất nhân cách đáp ứng yêu cầu nghề SPQS

TT	Các phẩm chất nhân cách đáp ứng yêu cầu nghề SPQS	Mức độ cần thiết			Điểm trung bình	Thứ bậc
		Rất cần thiết	Bình thường	Không cần thiết		
1	Thế giới quan khoa học, bản lĩnh chính trị kiên định, vững vàng	179	12	9	1,85	2
2	Trình độ chuyên môn cao, vốn tri thức rộng trên các lĩnh vực khoa học	186	9	5	1,9	1
3	Phẩm chất đạo đức trong sáng, mẫu mực	171	18	11	1,8	4
4	Yêu người, yêu nghề, có lí tưởng nghề nghiệp cao đẹp	167	19	14	1,76	5
5	Ý chí quyết tâm vượt qua mọi khó khăn, thử thách vì lí tưởng nghề nghiệp	109	48	43	1,33	6
6	Tay nghề sử phạm cao, khả năng tổ chức và thực hiện hiệu quả hoạt động sử phạm	173	16	11	1,81	3
7	Năng lực tự học, tự nghiên cứu	104	40	56	1,24	7
8	Trình độ ngoại ngữ, tin học	48	36	116	0,66	8

Kết quả *bảng 2* cho thấy, hầu hết HV nhà trường đã có nhận thức đúng đắn về những phẩm chất nhân cách cần thiết đối với nghề. Có 5 phẩm chất (1, 2, 3, 4, 6) được HV đánh giá ở mức cao (điểm trung bình từ 1,76-1,9). Trong đó, phẩm chất 2 được đánh giá cao nhất (điểm trung bình là 1,9). Đây là sự đánh giá tương đối khách quan và đúng đắn, bởi muốn trở thành người giảng viên giỏi thì không thể không có trình độ chuyên môn cao và vốn tri thức rộng. Tuy nhiên, nhận thức của HV về các phẩm chất nhân cách đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp vẫn còn những hạn chế: trong 5 phẩm chất được HV đánh giá cao thì vẫn có 7% đánh giá là không cần thiết, đánh giá này biểu hiện nhận thức chưa đúng và xuất phát từ sự thiếu nghiêm túc, thiếu tinh thần trách nhiệm của một số HVSP đối với quá trình học tập, rèn luyện nghề nghiệp.

Có 2 phẩm chất được HV đánh giá ở mức trung bình: phẩm chất 5: *Ý chí quyết tâm vượt qua mọi khó khăn thử thách vì lí tưởng nghề nghiệp* (1,33 điểm) và phẩm chất 7: *Năng lực tự học, tự nghiên cứu* (1,24 điểm). Đây là 2 phẩm chất rất quan trọng đối với HVSP trong quá trình học tập và rèn luyện, song HV lại đánh giá ở mức độ trung bình. Hoạt động quân sự đòi hỏi người thực hiện phải có phẩm chất ý chí rất cao, đòi hỏi sự sáng tạo trong tất cả các khâu, các công đoạn. Vì vậy, ý chí cao và năng lực tự học, tự nghiên cứu là những nhân tố có ảnh hưởng rất lớn đến sự thành công trong nghề nghiệp, không có khả năng tự học, tự nghiên cứu thì không thể có sự sáng tạo trong nghề nghiệp. Phẩm chất 8: *trình độ ngoại ngữ, tin học* được HV đánh giá thấp nhất (0,66 điểm). Đây cũng là hạn chế trong nhận thức của HVSP. Ngày nay, trình độ ngoại ngữ, tin học tốt sẽ là điều kiện để khai thác, nghiên cứu và cập nhật các kết quả, thành tựu khoa học và ứng dụng hiệu quả vào nâng cao chất lượng hoạt động nghề nghiệp.

2.2. Thực trạng thái độ của HVSP đối với nghề SPQS

2.2.1. Mức độ hứng thú của HVSP với nghề SPQS. Kết quả khảo sát cho thấy: có 84,0% HV trả lời ở mức độ rất hứng thú; 12,0% trả lời bình thường; mức độ không hứng thú có tần suất lựa chọn thấp nhất: 4,0%. Như vậy, hầu hết HV nhà trường đều rất hứng thú đối với nghề. Tuy nhiên, vẫn còn 16,0% HVSP trả lời ở mức bình thường và không có hứng thú.

2.2.2. Sự tin tưởng và yên tâm với nghề. Nhằm khảo sát mức độ tin tưởng và yên tâm với nghề, chúng tôi sử dụng câu hỏi: “Nếu được chọn lại ngành học, đồng chí có chọn ngành SPQS không?”, kết quả thu được như sau: phương án 1 (*vẫn chọn ngành SPQS*)

có tần suất lựa chọn cao nhất (85,5 %); phương án 3 (*phân vân*) có tần suất lựa chọn thứ hai (8,0%); tần suất lựa chọn thấp nhất là ở phương án 2 (*không chọn*) với 6,5% HV. Như vậy, đa số HV đều có sự tin tưởng và yên tâm đối với nghề đã chọn.

2.2.3. Động cơ chọn nghề SPQS của HVSP (xem *bảng 3*):

Bảng 3. Động cơ chọn nghề của HVSP

TT	Động cơ chọn nghề của HVSP	Mức độ thúc đẩy			Điểm trung bình	Thứ bậc
		Rất mạnh	Bình thường	Không thúc đẩy		
1	Do sự phân công của tổ chức	102	40	58	1,22	6
2	Sự định hướng của gia đình, người thân	108	47	45	1,31	5
3	Vai trò, vị thế xã hội của nhà giáo và của nghề sư phạm	181	12	7	1,87	2
4	Cống hiến cho sự nghiệp GD-ĐT, xây dựng quân đội	188	7	5	1,91	1
5	Phù hợp với hứng thú, sở thích và năng lực bản thân	175	16	9	1,83	3
6	Nghề ổn định, có điều kiện chăm sóc gia đình và giáo dục con cái	110	48	42	1,34	4
7	Có điều kiện để được học cao hơn, thuận lợi trong việc thăng tiến công danh và quân hàm	92	28	80	1,06	7
8	Được công tác ở khu vực trung tâm, thị xã, thành phố	41	48	111	0,65	8
9	Nghề an nhàn, không vất vả	40	46	114	0,63	9
10	Không phải rèn luyện vất vả trong quá trình học tập tại trường	38	37	115	0,57	10

Kết quả khảo sát ở *bảng 3* cho thấy, trong 10 động cơ chọn nghề, có 3 động cơ được HV đánh giá ở mức cao, 4 động cơ được đánh giá ở mức trung bình và 3 động cơ được đánh giá ở mức thấp. Về cơ bản, HVSP đều được thúc đẩy bởi những động cơ đúng đắn, tích cực khi chọn nghề; đó đều là những động cơ mang ý nghĩa chính trị - xã hội to lớn (động cơ 3, 4) hoặc nhằm phát huy năng lực, sở trường của bản thân (động cơ 5). Đây là những động cơ chủ đạo nhất chi phối sự lựa chọn nghề nghiệp của HVSP. Những động cơ đúng đắn này xuất phát từ sự nhận thức đúng đắn của HVSP đối với nghề nghiệp, đồng thời, cũng phù hợp của phẩm chất, năng lực trước yêu cầu, đòi hỏi của nghề. Tuy nhiên, sự lựa chọn nghề của một số HV vẫn chịu chi phối bởi những động cơ có tính chất cá nhân, chưa chính đáng, chưa thực sự tự giác, tích cực, như: mong muốn sự an nhàn; mong muốn được làm việc ở những nơi trung tâm; do sự định hướng của gia đình, người thân...

2.3. Thực trạng hoạt động tự tu dưỡng, học tập, rèn luyện của HVSP:

2.3.1. Tính tích cực hoạt động chung. Kết quả khảo

sát cho thấy: trong 3 mức độ của tính tích cực, mức độ đánh giá *rất tích cực* có thứ bậc cao nhất: 79,5%; xếp thứ 2 là mức độ *bình thường* (13,5%); mức độ được đánh giá thấp nhất là *không tích cực* (7,0%). Như vậy, đa số HVSP (gần 80%) đã tích cực trong thực hiện các hành động học tập, rèn luyện nghề nghiệp.

Bên cạnh đó, vẫn còn khoảng trên 20% HV chưa thực sự tích cực trong các hoạt động học tập, rèn luyện. Nhiều HV coi việc học tập, rèn luyện chỉ đơn thuần là nghĩa vụ phải hoàn thành, chỉ thực hiện khi có sự “thúc đẩy” trực tiếp của thời gian, kế hoạch phải hoàn thành. Nói cách khác, họ chỉ thực hiện các hành động học tập, rèn luyện trong “khuôn khổ tối thiểu”, chưa có sự tự giác, đam mê.

2.3.2. *Tính tích cực trong trong các hoạt động học tập, rèn luyện cụ thể* (xem bảng 4):

Bảng 4. *Tính tích cực của HVSP trong các hoạt động học tập, rèn luyện cụ thể*

TT	Tính tích cực hoạt động của HVSP	Mức độ			Điểm trung bình	Thứ bậc
		Thường xuyên	Đôi khi	Không bao giờ		
1	Quán triệt và nắm vững mục tiêu, yêu cầu khóa học, môn học, bài học	188	12	0	1,94	1
2	Xây dựng kế hoạch học tập, rèn luyện khoa học, phù hợp và thực hiện hiệu quả kế hoạch	169	28	3	1,83	5
3	Tích cực học tập nâng cao trình độ chuyên môn và mở rộng tri thức trên các lĩnh vực khoa học	181	19	0	1,90	2
4	Tích cực rèn luyện, nâng cao tay nghề sư phạm	178	22	0	1,89	3
5	Rèn luyện các phẩm chất đạo đức, nhân cách đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp	175	25	0	1,87	4
6	Tích cực học hỏi, trao đổi với giảng viên, cán bộ quản lý và đồng đội trong học tập, rèn luyện	104	50	46	1,29	7
7	Tự đánh giá kết quả học tập, rèn luyện khách quan và điều khiển, điều chỉnh cho phù hợp	108	48	44	1,32	6
8	Nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học	40	44	116	0,62	9
9	Tim tòi, nghiên cứu sách, báo, tạp chí và tài liệu liên quan đến lĩnh vực nghề nghiệp	42	48	110	0,66	8
10	Tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, viết bài cho hội thảo khoa học, báo, tạp chí...	40	37	113	0,58	10
Điểm trung bình chung					1,39	

Kết quả *bảng 4* cho thấy, nhìn chung HVSP đã có tính tích cực cao trong các hành động rèn luyện, học tập, thể hiện ở chỉ số điểm trung bình chung của các hành động là 1,39 điểm (ở mức cao): có 5 hành động được HVSP thực hiện ở mức độ cao với điểm trung bình từ 1,83-1,94 điểm. Trong đó, hành động: *Quán triệt và nắm vững mục tiêu, yêu cầu khóa học, môn học, bài học* xếp cao nhất với điểm trung bình là 1,94. Như vậy, đa số HV đã nhận thức tốt về mục tiêu, yêu

cầu đào tạo; hiểu biết đầy đủ những phẩm chất nhân cách đáp ứng đòi hỏi khách quan của nghề nghiệp, nên họ đã có thái độ tích cực, tự giác trong học tập, rèn luyện nghề nghiệp.

Có 2 hành động được HV đánh giá và thực hiện ở mức độ trung bình: *Tự đánh giá kết quả học tập, rèn luyện khách quan và điều khiển, điều chỉnh cho phù hợp* với 1,32 điểm và hành động *tích cực học hỏi, trao đổi với giảng viên, cán bộ quản lý và đồng chí đồng đội trong học tập, rèn luyện* với 1,29 điểm. Có 3 hành động được HV đánh giá và thực hiện ở mức độ thấp (8, 9, 10); trong đó, hành động được thực hiện ở mức độ thấp nhất là *Tích cực tham gia nghiên cứu khoa học, viết bài cho hội thảo khoa học, báo, tạp chí* (0,58 điểm). Qua phỏng vấn và xin ý kiến chuyên gia về vấn đề này được biết: hiện nay, việc viết bài nghiên cứu tham gia hội thảo và gửi đăng báo, tạp chí có yêu cầu rất cao, vì vậy, qua một số lần viết mà không có hiệu quả dễ gây cho HVSP tâm lý tự ti, chán nản, dẫn đến thụ động trong hoạt động này.

Như vậy, những hành động được HVSP đánh giá cao và thực hiện ở mức độ thường xuyên đều là những hành động rất cơ bản, quan trọng, không thể thiếu được trong quá trình học tập, rèn luyện của HV. Những hành động này cũng được coi là cơ sở chủ yếu nhất để xem xét, đánh giá tích cực học tập, rèn luyện. Tuy nhiên, trong 10 hành động cơ bản, thì có đến 5 hành động HVSP chỉ thực hiện ở mức độ trung bình và mức độ thấp. Nắm được hạn chế này, các lực lượng sư phạm, đặc biệt là giảng viên và cán bộ quản lý cần quan tâm để tìm ra những giải pháp phù hợp giúp nâng cao chất lượng, hiệu quả học tập, rèn luyện của HVSP hiện nay.

3. Từ kết quả nghiên cứu thực trạng định hướng giá trị nghề SPQS của HVSP Trường ĐHTC, chúng ta có thể rút ra kết luận như sau: Hầu hết HVSP đã có định hướng giá trị nghề nghiệp đúng, nhận thức đúng về nghề nghiệp tương lai, đánh giá đúng vị trí, tầm quan trọng của nghề, những giá trị cơ bản của nghề cũng như những phẩm chất nhân cách đáp ứng yêu cầu nghề. Vì vậy, họ đã có thái độ, động cơ đúng, chủ động, tích cực trong các hoạt động học tập, rèn luyện nghề nghiệp. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn một số HV chưa quán triệt tốt mục tiêu, yêu cầu đào tạo; chưa có ý thức đúng đắn về nghề và các giá trị nghề nghiệp; chưa hình thành động cơ đúng đắn trong học tập, rèn luyện. Do đó, chưa tự giác, tích cực trong lập kế hoạch và thực hiện kế hoạch học tập, rèn luyện

(Xem tiếp trang 91)

dùng, nói tên và công dụng của đồ dùng đó. Động viên và khen ngợi trẻ chỉ đúng.

Sử dụng tranh lô tô để dạy trẻ nhận biết và biểu lộ cảm xúc

- **Mục đích:** dạy trẻ nhận biết và biểu lộ cảm xúc.
- **Chuẩn bị:** Những tấm thẻ gắn ảnh của trẻ với các trạng thái cảm xúc khác nhau.

- **Thời gian:** 12-15 phút.
- **Đối tượng:** Thực hiện với nhóm ghép trẻ 18-36 tháng.
Hoạt động riêng từng độ tuổi trong nhóm ghép.
- **Cách tiến hành:**

+ Đối với trẻ 18-24 tháng: Cho trẻ nhận biết cảm xúc bằng cách cho trẻ chọn thẻ ảnh theo cảm xúc mà trẻ thích và yêu cầu trẻ nói tên và biểu lộ cảm xúc đó.

+ Đối với trẻ 24-36 tháng: GV diễn tả về trạng thái cảm xúc, thời điểm cảm thấy vui, buồn và sau đó cho trẻ chọn các bức ảnh có cảm xúc vui, buồn... gắn với trạng thái cảm xúc của trẻ.

Ngoài các hoạt động kể trên, GV còn có thể sử dụng các tình huống để GD kĩ năng nhận biết và biểu lộ cảm xúc cho trẻ nhóm ghép thời gian tiến hành: Thực hiện ở mọi lúc, mọi nơi trong các hoạt động chơi ăn, ngủ, vệ sinh... Thời lượng hoạt động tùy thuộc vào từng tình huống cụ thể, có thể từ 5-7 phút hoặc 8-12 phút. Cách tổ chức hoạt động: GV có thể dựa vào các tình huống trong khi trẻ chơi với đồ chơi, chơi trò chơi đóng vai để GD cho trẻ biết cách biểu lộ cảm xúc vui, buồn, tức giận, sợ hãi phù hợp trong sinh hoạt hàng ngày, từ đó có thể có những tác động kịp thời để giúp trẻ kiềm chế cơn tức giận và giảm đi sự buồn bã, sợ hãi trong các tình huống cụ thể của trẻ. Cách thức: + Tìm hiểu nguyên nhân; + Thể hiện sự thông cảm với trẻ và giúp trẻ nhận ra cảm xúc của mình: gọi tên cảm xúc, trẻ nói tại sao lại có cảm xúc đó? Ví dụ: "GV thấy con đang tức giận vì... hay GV thấy con đang rất buồn, vì sao con buồn? Ai làm con buồn?..."; + Cho trẻ thời gian để trẻ bình tĩnh lại, động viên trẻ nói ra cảm xúc của trẻ và lắng nghe trẻ. Khuyến khích và giúp đỡ trẻ tìm ra giải pháp; gợi ý cho trẻ tham gia vào một hoạt động khác; ôm lấy trẻ khi trẻ sợ hãi, khóc vì buồn, khóc vì tức giận; an ủi, vỗ về, động viên trẻ bằng lời nói. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Bộ GD-ĐT (2009). *Chương trình Giáo dục mầm non*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2] Bộ GD-ĐT (2009). *Hướng dẫn tổ chức thực hiện Chương trình giáo dục mầm non nhà trẻ (3-36 tháng)*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Bộ GD-ĐT - Trung tâm Nghiên cứu giáo dục Mầm non (1995). *Đề tài "Cải tiến phương pháp dạy và học ở lớp mẫu giáo ghép 3 và 4 tuổi"*, B94-37-08PP.
- [4] Lương Thị Bình - Phan Lan Anh (2011). *Các hoạt*

động giáo dục tình cảm và kĩ năng xã hội cho trẻ mầm non. NXB Giáo dục Việt Nam.

[5] Carroll E. Izard (1992). *Những cảm xúc của người*. NXB Giáo dục.

[6] John Gottman - Ph. D và Joan Declaire (Lê Nguyễn Minh Thọ biên dịch) (2004). *Xây dựng và chăm chút đời sống tình cảm con trẻ*. NXB Trẻ.

Thực trạng định hướng giá trị...

(Tiếp theo trang 46)

nghề nghiệp, cá biệt có những HVSP chỉ thực hiện để đối phó với yêu cầu nhiệm vụ.

Những hạn chế trong định hướng giá trị nghề SPQS của HVSP do nhiều nguyên nhân, các nguyên nhân cơ bản là: Công tác giáo dục định hướng giá trị nghề nghiệp cho HVSP còn chậm đổi mới và chưa hiệu quả; ảnh hưởng của những biến đổi tình hình kinh tế, chính trị, xã hội cộng với tác động của mặt trái cơ chế thị trường làm cho HVSP có sự so sánh về mức thu nhập của nghề sư phạm so với các chuyên môn nghiệp vụ quân sự khác; do "chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo chưa thực sự cơ bản, chuyên sâu, sự hạn chế về năng lực dạy học, phương pháp tác phong công tác của một số giảng viên" [3; tr 22]; hạn chế trong phối, kết hợp giữa các lực lượng sư phạm trong giáo dục định hướng giá trị nghề SPQS cho HVSP và do chất lượng đầu vào ở một số HVSP còn thấp... đã tác động, ảnh hưởng đến tính tích cực, say mê và tâm huyết của HV trong học tập và rèn luyện nghề nghiệp. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng uỷ Quân sự Trung ương (2007). *Nghị quyết số 86-NQ/ĐUQTW về công tác giáo dục - đào tạo trong tình hình mới*. NXB Quân đội nhân dân.
- [2] Trường Sĩ quan Chính trị (2014). *Báo cáo kết quả công tác giáo dục - đào tạo năm học 2013-2014*.
- [3] Đảng uỷ Trường Sĩ quan Chính trị (2010). *Văn kiện Đại hội đại biểu đảng bộ lần thứ VIII*. NXB Quân đội nhân dân.
- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [5] Lại Ngọc Hải (2002). *Định hướng giá trị nhân cách đội ngũ sĩ quan trẻ Quân đội nhân dân Việt Nam hiện nay*. NXB Quân đội nhân dân.
- [6] Trường Sĩ quan Chính trị (2010). *Đề án kiện toàn, phát triển đội ngũ nhà giáo của nhà trường đến năm 2015*.
- [7] Trường Sĩ quan Chính trị (2014). *Báo cáo kết quả công tác giáo dục - đào tạo năm học 2013-2014*.